

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÂN LUỒNG TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC

Để hình thành nên những công dân của đất nước, mục đích GDPT (Giáo dục phổ thông) của bất cứ nước nào cũng đề ra giáo dục phát triển toàn diện, cân đối, hài hoà giữa các mặt thể chất và tinh thần; trí tuệ và tình cảm; đạo đức và tài năng; cá nhân và xã hội; truyền thống dân tộc và văn hoá nhân loại... Nghĩa là, nền giáo dục phải có sứ mệnh giáo dục, đào tạo lớp người trẻ tuổi của đất nước thành những người công dân theo mong đợi của xã hội, đáp ứng yêu cầu của thời đại...

Nhưng học sinh phổ thông là một tập hợp những trẻ em, thanh thiếu niên từ lớp 1 đến lớp 12 (từ 6 đến 18-19 tuổi), với những giai đoạn phát triển và đặc điểm sinh lý - thể chất, tâm lý - xã hội khác nhau khá xa. Do vậy chương trình, nội dung, phương pháp, cách tổ chức giáo dục cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với sự phát triển của đối tượng giáo dục. Đó chính là một trong những cơ sở quan trọng của sự phân cấp, bậc học, phân ban, phân luồng và giai đoạn sau là liên thông...

Các nhà nghiên cứu tâm lý học lứa tuổi hay tâm lý học phát triển đều có nhận thức chung rằng, lứa tuổi thiếu niên (học sinh THCS, từ 11 - 12 đến 15 - 16 tuổi) là một giai đoạn phát triển đặc biệt cả về mặt tự nhiên và tâm lý - xã hội. Sự phát triển đó diễn ra bùng nổ, đa dạng và phân hoá, nhất là vào thời đoạn cuối, bước quá độ chuyển sang giai đoạn đầu tuổi thanh niên. Những đặc điểm sinh lý - tâm lý - xã hội bộc lộ ra ở giai đoạn cuối tuổi thiếu niên là khá rõ ràng, có thể là một trong những cơ sở để phân hoá, phân luồng học sinh sau THCS. Có thể đề cập một số yếu tố sau:

Sự phát triển sinh lý - thể chất của tuổi thiếu niên bùng nổ ở giai đoạn giữa, đã "cụ thể hoá" rõ ở vào tuổi 15 - 16: chiều cao, cân nặng, sức vóc, đặc điểm giới tính, khả năng hoạt động thần kinh - cơ bắp (sức nhanh, mạnh, bền, khéo...) bộc lộ khá rõ.

Năng lực học tập (nói rộng là năng lực hoạt động trí óc) cũng đã bộc lộ rõ, khiến giáo viên, cha mẹ học sinh có thể đánh giá được. Đặc biệt là chính bản thân mỗi học sinh có thể tự nhận thức, tự ý thức về năng lực của bản thân mình

khá chính xác (môn học nào giỏi, khá, trung bình, kém - ưu điểm và hạn chế trong học tập...).

Năng khiếu, sở trường, của mỗi học sinh cũng đã bộc lộ rõ trong học tập và các hoạt động nội khoá, ngoại khoá. học sinh nào giỏi, khá hay kém về Toán, Văn, Lý, Hoá, Sinh, Kỹ thuật, Tin học, Ngoại ngữ, hoạt động thực hành, hoạt động xã hội... cũng bộc lộ khá rõ. Hoạt động phù hợp năng khiếu, sở trường sẽ tạo cho học sinh thích thú, sáng tạo, hiệu quả cao...

Hứng thú của các em ở lứa tuổi này cũng cụ thể hoá và phát huy tác dụng mạnh mẽ trong học tập và các hoạt động tương ứng. Hứng thú tìm hiểu tự nhiên hay xã hội; hứng thú học lý thuyết hay thực hành; hứng thú hoạt động sáng tạo trí óc hay tay chân... đã hình thành và có ảnh hưởng lớn đến định hướng con đường học tập tiếp tục của mỗi em. Nghiên cứu tâm lý học phát triển cho thấy động cơ thành đạt của trẻ em hình thành khá sớm, từ tiểu học, nhưng phát triển mạnh ở tuổi thiếu niên và hiện thực hoá ở tuổi thanh niên.

Tự ý thức, tự đánh giá của bản thân học sinh và đánh giá của cha mẹ học sinh về đặc điểm cá nhân và hoàn cảnh của gia đình học sinh cũng khá rõ. Đó cũng là cơ sở cho việc có thể tư vấn cho bản thân học sinh và gia đình lựa chọn con đường tiếp tục học tập theo hướng nào.

Những cơ sở trên giúp cho bản thân học sinh, cha mẹ học sinh và các giáo viên thấy rõ được đặc điểm của bản thân mỗi học sinh nên tiếp tục phát triển theo hướng nào thì thuận lợi hơn, phù hợp hơn. Trên thực tế, sau THCS, gia đình cũng đã định hướng cho học sinh học thêm một số môn học nào đó phù hợp và có triển vọng với con mình; cũng như vậy, nên định hướng phân ban, phân luồng cho học sinh sau lớp 9 nên tiếp tục, học tập, đào tạo theo hướng nào phù hợp hơn với mỗi em là có cơ sở, đối với số đông. Tất nhiên, đó chỉ là những cơ sở ban đầu ở thời điểm đó. Đối với từng cá thể, con đường phát triển sau này của mỗi học sinh lại phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, có cả tất yếu và ngẫu nhiên, không lường trước hết được. Và đó mới là sự kỳ diệu của cuộc sống con người.

Học sinh THPT (lớp 10 - 11 - 12) giai đoạn đầu tuổi thanh niên (16-17-18 - 19 tuổi), có sự phát triển cân bằng hơn về các mặt sinh học và tâm lý, trí tuệ và cảm xúc, cá nhân và xã hội... hình thành nên nhân cách người học sinh đầu tuổi thanh niên với những đặc điểm nổi bật:

Có sức làm việc dồi dào về thể chất và trí tuệ đặc biệt tư duy trừu tượng, tư duy sáng tạo, tư duy hành động thực tiễn đều phát triển mạnh mẽ và bộc lộ sự phân hoá khá rõ để định hướng lựa chọn hoạt động.

Hứng thú học tập các môn học và động cơ thành đạt phát triển mạnh và phân hoá rõ, định hướng cho sự lựa chọn ngành nghề để học tiếp... Hứng thú môn học và động cơ thành đạt có vai trò lớn trong việc định hướng và thúc đẩy tính tích cực hoạt động của mỗi học sinh. Được hoạt động phù hợp hứng thú và định hướng, thúc đẩy bởi động cơ thành đạt thì học sinh sẽ hăng hái, say mê, sáng tạo; ngược lại, bị ép buộc hoạt động trái sở thích, hứng thú, động cơ thành đạt, học sinh sẽ có phản ứng tiêu cực, ít kết quả.

Tự ý thức về bản thân và ý thức xã hội, ý thức công dân phát triển mạnh và định hình ở tuổi này. Do đó việc tự lựa chọn ngành, nghề, phương thức học tập của họ là có ý thức rõ, có cơ sở...

Sự chín muồi về tính dục và nảy nở tình yêu nam nữ làm ý thức, vai trò giới và nhiều đặc điểm tâm lý mới phát triển, ảnh hưởng đến những quyết định lựa chọn ngành nghề học tiếp...

Những đặc điểm lứa tuổi học sinh THPT cho thấy, đến cuối lớp 12, nhân cách người thanh niên mới lớn đã định hình nét, đủ cơ sở giúp họ lựa chọn ngành nghề, con đường học tập tiếp phù hợp với bản thân và hoàn cảnh của mình.

Thực ra trong quá trình học lớp 10 - 11 - 12, có một số học sinh bỏ học, rẽ ngang cũng là chuyện bình thường, là cách "tiếp tục phân luồng"; chỉ bất thường trong trường hợp bản thân em học sinh muốn học, có năng lực học lên, nhưng vì hoàn cảnh mà phải bỏ học.

Về mặt tâm lý học, mục đích của mọi nền giáo dục hiện đại đều mong muốn giáo dục mỗi học sinh trở thành một con người nhân cách phát triển toàn diện, dựa trên cơ sở thống nhất giữa phát triển sinh học và phát triển tâm lý - xã hội; giữa cái riêng - độc đáo cá biệt và cái chung; giữa năng khiếu, hứng thú cá nhân và yêu cầu của thực tiễn xã hội... Nhưng những nghiên cứu tâm lý học cá nhân chỉ rõ: mỗi cá nhân con người là một cá thể độc đáo, cá biệt, có một không hai, không lặp lại. Nói cách khác là không có hai em học sinh giống hệt nhau, thậm chí cả trường hợp sinh đôi cùng trứng!

Trong Thư gửi học sinh ngày khai trường sau khi giành được độc lập, tháng 8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh bản chất của nền giáo dục mới là "... một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em". Năng lực sẵn có chính là những tiền đề sinh học, tiềm năng, năng khiếu, khả năng "thiên bẩm", kể cả những em khuyết tật... khiến cho mỗi học sinh có những "năng lực sẵn có" rất khác nhau. Giáo dục phải hiểu và phát triển "hoàn toàn" những "năng lực sẵn có" đó, để mỗi em trở thành một cá nhân có những giá trị độc đáo, cá biệt, đóng góp vào sự phong phú, đa dạng của đời sống xã hội. Đó là một tư tưởng quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục và phát triển con người trong xã hội hiện đại.

Một số nghiên cứu tâm lý học nhân cách gần đây chú ý đi sâu vào các đặc điểm cá tính khác nhau trong nhân cách mỗi con người để có hướng đào tạo, sử dụng, phát triển, ứng xử phù hợp...

G.W. Allport(1897- 1967) chú trọng đến tính độc đáo của một không hai của nhân cách mỗi con người thể hiện tương đối ổn định trong những hành vi, phản ứng giống nhau trong những hoàn cảnh, tình huống giống nhau. Thái độ phản ứng và hành vi ứng xử đó ở mỗi con người nói lên đặc điểm nhân cách, có cấu trúc tâm lý - thần kinh tương ứng... Trong những đặc điểm nhân cách, ông chú ý đến trí tuệ, thiên hướng cá nhân (personal disposition), phong cách riêng... của mỗi người.

H.J. Eysenck (1916 – 1997) đi sâu phân tích các nhân tố (factor analysis) của nhân cách để chỉ ra cấu trúc, các đặc điểm của nhân cách. Ông chú ý đến các yếu tố tự nhiên trong cấu trúc cũng như những biểu hiện ở các phản ứng của nhân cách trước các kích thích khác nhau. Bằng hệ thống trắc nghiệm (Test) ông đã chỉ ra mô hình các đặc điểm kiểu nhân cách hướng nội và hướng ngoại (Introversion - Extroversion). Eysenck đã kết hợp những đặc điểm kiểu nhân cách hướng nội và hướng ngoại với đặc điểm 4 kiểu khí chất mà Hyppocrat và Galen đã đưa ra, lập nên Mô hình hệ thống những đặc điểm kiểu nhân cách.

Những đặc điểm này có liên hệ phụ thuộc vào cơ chế sinh lý thần kinh của từng người. Những đặc điểm nhân cách như Eysenck mô tả rất cần thiết đối với việc hướng nghiệp, tư vấn, tuyển chọn... những cá nhân phù hợp nghề.

Từ những lý thuyết tâm lý học cá nhân/ nhân cách nêu trên có thể rút ra những kết luận làm cơ sở cho việc phân luồng học sinh như sau:

Mỗi con người nói chung, học sinh, sinh viên nói riêng, có những đặc điểm sinh học - di truyền, đặc điểm tâm lý - xã hội khác nhau, làm nên những đặc điểm cá biệt, độc đáo không ai giống ai... Do đó, việc "phân hoá" trong học tập, "phân luồng", "phân ngành nghề", cấp bậc học... cho phù hợp với đặc điểm mỗi cá nhân là có tính khoa học, nhân văn, là có lợi ích cho cá nhân và xã hội.

Để nhận thức và đánh giá đúng những đặc điểm cá nhân (một cách tương đối), học sinh, sinh viên phải được tuyên truyền, giáo dục để tự nhận thức về bản thân và có các chuyên gia tư vấn với sự hỗ trợ của các công cụ khách quan mới xác định rõ hơn những đặc điểm cá nhân và giúp cá nhân có quyết định phù hợp trong "phân luồng", chọn ngành nghề phù hợp.

Những đặc điểm cá nhân được hình thành và bộc lộ dần trong quá trình trưởng thành; được nhận thức dần dần qua các hoạt động, trải nghiệm trong cuộc sống. Con người thường chỉ hiểu rõ mình và hoàn cảnh trong quá trình học tập, hoạt động nghề nghiệp, giao tiếp xã hội... nên trong quá trình đó có những nhận thức mới, quyết định mới... là điều bình thường, rất tự nhiên. Vì thế việc phân luồng, vào học các cấp bậc đào tạo, ngành nghề... cũng chỉ là những quyết định ban đầu; sau đó, nền giáo dục cần tạo cơ hội liên thông dễ dàng để đáp ứng nguyện vọng và khả năng của các cá nhân thay đổi con đường học tập của bản thân.

Để thực hiện phân luồng trong hệ thống giáo dục, các nước đã xây dựng và hoàn thiện một hệ thống giáo dục mở, mềm dẻo và linh hoạt, nhằm thoả mãn nhu cầu giáo dục cho mọi thành viên trong xã hội với quan điểm giáo dục liên tục và học tập suốt đời, đồng thời thoả mãn nhu cầu nhân lực với cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo hết sức đa dạng. Thực tế cho thấy, mô hình phân luồng trong hệ thống giáo dục có khác nhau, tùy thuộc vào sự phát triển KT - XH, cơ cấu lao động và truyền thống văn hoá dân tộc của mỗi nước. Song đều có đặc điểm chung là các nước rất quan tâm và chú trọng việc phân luồng học sinh sau THCS, coi đó là bản lề, điểm xuất phát của phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Dưới góc độ giáo dục học và được tiếp cận trên cơ sở hoạt động thì phân luồng học sinh được hiểu là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, có nội dung và bằng phương pháp khoa học của các lực lượng sư phạm tới đối tượng giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, phát triển trí tuệ, hình thành kỹ

năng và thái độ phù hợp với tiềm năng của mỗi cá nhân và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong mỗi giai đoạn nhất định.

Đối tượng tổ chức hoạt động phân luồng là học sinh tốt nghiệp THCS với những đặc điểm sau: Mục đích hoạt động phân luồng cần đạt được là gì sau khi học sinh tốt nghiệp THCS? Lực lượng nào sẽ tham gia vào việc tổ chức hoạt động phân luồng (nhà trường, cơ quan thông tin đại chúng, gia đình...; tổ chức hoạt động phân luồng sẽ tập trung vào đối tượng nào: học sinh THCS, phụ huynh. Nội dung, chương trình, kế hoạch hoạt động phân luồng được soạn thảo và tổ chức thực hiện như thế nào? Hoạt động phân luồng được tiến hành theo những phương pháp và hình thức tổ chức nào? Những điều kiện và nguồn lực đảm bảo cho hoạt động phân luồng gồm; chính sách của Nhà nước, đội ngũ GV, tài chính, cơ sở vật chất KT...

Phân luồng học sinh sau THCS dưới góc độ giáo dục học là hoạt động giáo dục nhằm tư vấn cho học sinh lựa chọn xu hướng phát triển (tiếp tục học, làm việc gì, ở đâu?) trên cơ sở hứng thú, năng lực và tiềm năng nghề nghiệp của mỗi cá nhân và nhu cầu của xã hội. học sinh sau tốt nghiệp THCS thường được phân chia theo bốn luồng khác nhau, đó là: GDPT (luồng chính); giáo dục thường xuyên (GDTX); GDNN và tham gia lao động sản xuất (các luồng phụ). Xu thế hiện nay cần giảm học sinh vào luồng chính đến một tỷ lệ phù hợp, tăng tỷ lệ học sinh các luồng phụ ở mức cần thiết, trong đó luồng lao động sản xuất giảm thiểu càng nhiều càng tốt.

Về bản chất, phân luồng là sự phân hoá theo nhóm lớn đối với học sinh sau THCS. Đó là những nhóm học sinh có cùng cùng nguyện vọng, năng lực sau THCS. Phân luồng học sinh sau THCS là biện pháp thực hiện hợp lý hoá xu hướng phân hoá của học sinh sau THCS trên cơ sở năng lực học tập, nguyện vọng của học sinh và nhu cầu xã hội.

Về mục tiêu phân luồng học sinh sau THCS là nhằm phát huy năng lực của người học tốt nhất theo khả năng, hoàn cảnh, điều kiện mà họ có được.

Phân luồng trong hệ thống giáo dục là xu hướng tất yếu trong việc phát triển năng lực, hình thành nhân cách của học sinh sau một quá trình giáo dục, rèn luyện. Nhiệm vụ của giáo dục là làm sao đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của người học. Phân luồng học sinh là những cách thức để giải quyết vấn đề này. Cuối cấp THCS, học sinh chuẩn bị bước vào tuổi vị thành niên, tuổi lao động

cho nên sự phân luồng trong học sinh cũng đa dạng và đủ lớn. Đó là nguyện vọng của một bộ phận đông đảo học sinh, là yêu cầu cần thiết của xã hội. Như vậy, phân luồng học sinh sau THCS cũng là yêu cầu khách quan. Yếu tố khách quan trong phân luồng học sinh sau THCS là do tính tất yếu của xu hướng phân hoá trong giáo dục quy định.

Phân luồng học sinh sau THCS là phân hoá sớm, tích cực nhằm giải quyết nhu cầu nguyện vọng của người học và của xã hội. Khác với phân luồng học sinh sau THPT là chỉ có luồng GDNN và tham gia lao động sản xuất, phân luồng học sinh sau THCS ngoài GDNN và tham gia lao động sản xuất, người học còn có luồng tiếp tục học văn phổ thông với mức độ phù hợp với trình độ, điều kiện của người học theo chương trình GDTX. Ở nước ta, nếu thực hiện không tốt việc phân luồng học sinh sau THCS cũng có nghĩa là chúng ta vô tình đẩy một bộ phận không nhỏ học sinh sau THCS yếu thế về học lực và hoàn cảnh, điều kiện gia đình không được tiếp cận với cơ hội được học tập. Thực hiện phân luồng học sinh sau THCS theo đúng các quy luật của giáo dục sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục và hiệu quả xã hội (mặt bằng chất lượng GDPT được nâng lên, cơ cấu nhân lực được cải thiện, tránh được lãng phí xã hội trong giáo dục...). Như vậy, phân luồng học sinh sau THCS chẳng những không làm triệt tiêu các cơ hội học lên của học sinh mà còn đa dạng hoá phương thức học, luồng học cho người học, tạo điều kiện thích hợp cho nhiều người học và cho cả việc học lên của học sinh. Nếu học sinh có nhu cầu nguyện vọng và năng lực thì việc học lên có nhiều cơ hội - như học liên thông, liên kết, từ xa, vừa học, vừa làm.

Tóm lại, phân luồng trong hệ thống giáo dục là cần thiết vì nhu cầu xã hội cần nguồn nhân lực được đào tạo với cơ cấu trình độ và cơ cấu ngành nghề phù hợp trong từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Đồng thời đáp ứng nhu cầu cá nhân, tạo điều kiện để học sinh được học theo khả năng và sở thích của bản thân và chuẩn bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho cuộc sống nghề nghiệp trong tương lai.

Phân luồng trong hệ thống giáo dục có ý nghĩa rất quan trọng đối với xã hội, cũng như đối với mỗi cá nhân.

Đối với xã hội, phân luồng học sinh đáp ứng nhu cầu nhân lực với cơ cấu trình độ đào tạo phù hợp trong từng giai đoạn phát triển kinh tế.

Đối với cá nhân, phân luồng học sinh sau THCS và THPT là việc lựa chọn, sắp xếp mang tính xã hội để học sinh sau khi tốt nghiệp tiếp tục được GD&ĐT theo những khuynh hướng và ngành học khác nhau phù hợp với nguyện vọng, năng lực học sinh và nhu cầu xã hội hoặc tham gia lao động sản xuất. Xét về bản chất, phân luồng là sự phân hoá theo nhóm lớn đối với học sinh sau THCS, THPT. Đó là những nhóm học sinh có cùng định hướng, cùng nguyện vọng sau THCS, THPT. Phân luồng học sinh sau THCS, THPT là nhằm phát huy tốt nhất năng lực của người học theo khả năng, hoàn cảnh, điều kiện mà họ có được, là biện pháp thực hiện hợp lý hoá xu hướng phân hoá của học sinh trên cơ sở năng lực học tập, nguyện vọng của học sinh và nhu cầu xã hội.

Nếu coi nhẹ công tác phân luồng học sinh sẽ dẫn đến những bất cập sau:

Một là, sự chênh lệch giữa tỷ lệ phân luồng học sinh sau THCS vào THPT so với dạy nghề sẽ tạo ra "sức ép tâm lý" rất lớn đối với học sinh, phụ huynh học sinh và toàn xã hội. Chính điều này gây ra tình trạng "quá tải" "chạy đua" vào các trường CD, ĐH; đồng thời gây ra tình trạng "dạy thêm, học thêm" tràn lan như trong nhiều năm qua.

Hai là, các cuộc "chạy đua" đó gây tốn kém ngân sách của Nhà nước mà tiền của nhân dân.

Ba là, đa số các ngành đào tạo trong trường TCCN và dạy nghề chỉ cần tuyển học sinh sau THCS, nhưng vì học sinh sau THPT thừa nhiều thì các trường TCCN và dạy nghề không "dại gì" mà không tuyển học sinh sau THPT. Vì vậy, số học sinh tốt nghiệp THCS không được vào THPT (25% hằng năm) sẽ không có cơ hội học tiếp các trường TCCN và dạy nghề. Các hiện tượng tiêu cực, các tệ nạn xã hội từ đó mà ra.

Bốn là, sự bất hợp lý trong cơ cấu tuyển học sinh sau THPT vào CD, ĐH so với dạy nghề sẽ làm mất cân đối trầm trọng cơ cấu đào tạo và tất yếu làm mất cân đối cơ cấu nguồn nhân lực, cơ cấu các trình độ đào tạo tại các cơ sở doanh nghiệp.

Mục tiêu của phân luồng và liên thông trong hệ thống giáo dục là làm cho cơ cấu tuyển sinh, cơ cấu đào tạo, cơ cấu lao động hợp lý phù hợp với cơ cấu nguồn nhân lực tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, bảo đảm cho kinh tế phát triển bền vững, có khả năng cạnh tranh với các nền kinh tế khác trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay.

Ngoài ra, phân luồng và liên thông còn tạo ra cơ hội học tập không ngừng, học tập liên tục, học tập suốt đời cho mọi công dân. Đó là cầu nối giữa GDPT với giáo dục nghề nghiệp (GDNN), với giáo dục đại học (GD ĐH) và việc làm. Nói cách khác, phân luồng và liên thông là cầu nối giữa người học với các cơ sở đào tạo và thị trường lao động. Nếu có chính sách phân luồng và liên thông đúng đắn thì ta sẽ có cơ cấu tuyển sinh và cơ cấu đào tạo cân đối, dẫn tới cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý, đủ các cấp trình độ, theo đó tăng cường năng lực cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế, tạo động lực thúc đẩy toàn xã hội phát triển nhanh chóng, hài hoà. Nếu chính sách phân luồng và liên thông không phù hợp, thì chúng ta sẽ lãng phí nguồn tài nguyên nhân lực, nhiều sv tốt nghiệp sẽ không có việc làm và nhiều học sinh tốt nghiệp các cấp không được học tiếp, sẽ đi đâu và làm gì? Đó là câu hỏi mà xã hội luôn quan tâm.

Để trả lời câu hỏi đó chỉ có thể bằng cách điều chỉnh cơ cấu phân luồng và liên thông trong hệ thống giáo dục theo hướng tăng quy mô tuyển sinh cho dạy nghề, tạo ra liên thông từ dạy nghề với các hệ thống đào tạo khác. Nếu phân luồng và liên thông đều có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc thì liên thông còn có ý nghĩa tôn trọng quyền của mọi công dân được sống; học tập, làm việc theo sở trường, nguyện vọng và năng lực làm việc của bản thân.

Yếu tố tâm lý lứa tuổi có tác động lớn đến sự lựa chọn con đường học vấn của học sinh. Học sinh THPT là lứa tuổi 15 - 18. Đặc điểm nổi bật của thời kỳ này là các em đã đạt đến sự trưởng thành về mặt cơ thể, có sức lực dồi dào và hệ thần kinh khoẻ mạnh. Chính sự phát triển khá hoàn thiện về mặt thể chất ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm lý giai đoạn này. Nhận thức của các em đã khác về chất so với tuổi thiếu niên. Ở giai đoạn này, cảm giác và tri giác đã đạt đến mức độ tinh nhạy, tư duy logic, tư duy lý luận phát triển cao, các em đã biết **xâu chuỗi các sự kiện để đưa ra kết luận. Ở lứa tuổi này, các em rất quan tâm đến việc lựa chọn cho mình một nghề nào đó phù hợp với điều kiện và khả năng của bản thân. Việc lựa chọn nghề đối với các em học sinh THPT có ý nghĩa nghiêm túc và cấp bách. Các em bắt đầu hiểu rõ cuộc sống trong tương lai của bản thân phụ thuộc vào sự lựa chọn nghề nghiệp. Để lựa chọn được một nghề phù hợp cho bản thân thì trước hết các em phải xác định được thế mạnh của mình trong học tập, có thái độ đúng đắn lĩnh hội tri thức nhân loại. Nhưng trong thực tế, các em học sinh hiện nay rất thiếu hiểu biết về các nghề nghiệp trong tương lai, thiếu hiểu biết về những thuộc tính của nghề và những yêu cầu mà**

nghề đưa ra để có sự lựa chọn hợp lý nhằm phát huy tối đa khả năng của bản thân. Vì vậy, cần tư vấn hướng nghiệp cho các em. Mặt khác, ở lứa tuổi THCS và THPT là lứa tuổi tâm - sinh lý phát triển rất phức tạp nên chúng ta cần tôn trọng và vận dụng hợp lý những quy tắc, quy luật phát triển tâm lý của các em để có những định hướng và phương pháp giáo dục phù hợp. Cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường và xã hội để giúp các em phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tâm hồn, có những định hướng đúng đắn cho tương lai.

Yếu tố chủ quan chính là sự tự xác định của học sinh về việc lựa chọn con đường học vấn của mình. Các em quyết định lựa chọn dựa trên các yếu tố như tình cảm (có hứng thú không?), động cơ (có lợi không?), năng lực (mình có khả năng không?). Thầy cô giáo có vai trò quan trọng trong việc giúp các em định hướng đúng con đường lựa chọn của mình.

Yếu tố khách quan là các yếu tố như gia đình, bạn bè, giáo dục hướng nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng.

Yếu tố gia đình (ông bà, cha mẹ, anh chị em...): Các quyết định liên quan đến hướng nghiệp (chọn ngành nghề đào tạo, nghề nghiệp, việc làm) của thế hệ con cháu thường được thực hiện ở những giai đoạn khi họ còn khá trẻ chưa tích lũy được nhiều và chưa khẳng định được mình, do đó họ có khuynh hướng lệ thuộc nhất định vào gia đình (những người lớn) bởi trong suy nghĩ của thế hệ con cháu: Người lớn (ông bà, cha mẹ) đã có một vị trí nhất định trong xã hội, đặc biệt là họ có nhiều kinh nghiệm sống hơn. Ngoài ra, giữa các thành viên trong gia đình còn có quan hệ tâm lý, tình cảm tạo điều kiện cho việc trao đổi giữa các thế hệ để hướng nghiệp. Các yếu tố này đứng sau uy tín và tạo sức nặng cho việc người lớn đưa ra những lời khuyên nhủ về hướng nghiệp tới các thành viên trẻ hơn trong gia đình của họ. Như vậy, truyền thống văn hoá, các quy ước ngầm ở Việt Nam về trách nhiệm của thế hệ cha ông trong việc quan tâm, chăm sóc thế hệ con cháu đã ảnh hưởng nhiều đến các quyết định, dự định về nghề nghiệp, học hành và việc làm của con cháu.

Ngoài ra, sự lựa chọn con đường học vấn của học sinh còn chịu tác động bởi các giá trị xã hội. Chẳng hạn, trong bối cảnh xã hội cần nguồn nhân lực của một số lĩnh vực khoa học như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, tài

chính, ngân hàng... những ngành này mang lại nguồn thu nhập cao, thì các em có xu hướng lựa chọn những ngành nghề này.

Bên cạnh đó, các em còn chịu có sự tác động của bạn bè. Tình bạn ở trung học được các em rất coi trọng, các em tin tưởng vào bạn bè. Các em thích tâm sự với bạn bè hơn là tâm sự với những người thân trong gia đình, thường hành động theo sở thích giống nhau và cho đó là một cách thể hiện tình bạn thân thiết. Vì vậy, chúng ta không ngạc nhiên khi những nhóm học sinh chơi thân với nhau sẽ lựa chọn con đường học vẫn giống nhau để được gần gũi và giúp đỡ nhau.

Như vậy, có rất nhiều yếu tố tác động đến sự lựa chọn con đường học vẫn của mỗi học sinh. Các yếu tố này không tồn tại rời rạc mà có sự tác động qua lại lẫn nhau. Mỗi học sinh có thể lựa chọn con đường học vẫn của mình dựa trên năng lực, sở thích của bản thân, định hướng của gia đình và hoàn cảnh cụ thể của mình.

Ngoài tâm lý đã ăn sâu trong nếp nghĩ và chưa nhìn nhận đúng về đào tạo nghề của học sinh, phụ huynh thì các nguyên nhân xã hội khác cũng ảnh hưởng không nhỏ như tuổi học sinh tốt nghiệp THCS (15 tuổi) chưa phù hợp lắm với việc học xa nhà, hoặc trực tiếp đi làm theo Luật Lao động, các trường đào tạo TCCN (trung cấp chuyên nghiệp) hay trung cấp nghề cũng chưa thật sự có nhiều chính sách, quan tâm đúng mức để thu hút học viên (HV). Cùng với đó là các em theo học ở các trường TCCN, trung cấp nghề vẫn chưa tìm được công việc phù hợp sau khi ra trường khi mà xã hội hiện có quá nhiều cử nhân...

Điều quan trọng nhất chính là việc tạo được cơ hội và điều kiện việc làm cho người tốt nghiệp. học sinh sẽ không quay lưng với hệ TCCN, hệ nghề nếu sau khi tốt nghiệp các hệ đào tạo này các em chắc chắn tìm được việc làm với mức lương phù hợp. Muốn thế, cần có sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với người sử dụng lao động. Đào tạo nghề là phải nhắm tới thị trường việc làm ở đầu ra. Hiện nay sự gắn kết này chưa thật sự được thiết lập khiến người lao động sau khi học xong không có việc làm phù hợp. Ngoài ra, chế độ lương, đãi ngộ đối với những người tốt nghiệp TCCN và học nghề còn rất bấp bênh. Tương lai nghề nghiệp không rõ ràng khiến bản thân học sinh cũng như gia đình không mặn mà với việc rẽ sang học nghề sau THCS.

Hơn nữa, tâm lý của xã hội nói chung ai cũng muốn cho con mình học ĐH dù biết rằng khi học xong chưa chắc tìm được việc làm đã gây cản trở rất

lớn đến công tác phân luồng học sinh sau THCS. Thực tế sử dụng lao động hiện nay cũng gây ảnh hưởng không tốt đến việc phân luồng. Không ít cử nhân tốt nghiệp ĐH không tìm được việc làm, lại đi làm việc đơn giản của người công nhân. Việc sử dụng người chưa đúng vị trí, đúng ngành nghề và trình độ đào tạo đã gây ảnh hưởng đến thị trường việc làm của người tốt nghiệp hệ nghề.

Từ năm 1993 - 2001, hệ thống các cơ sở đào tạo trung học nghề phát triển mạnh, thực hiện tốt công tác phân luồng sau THCS. học sinh được học cả các môn văn hoá và các môn học chuyên môn nghề nghiệp phù hợp. Sau khi Luật Giáo dục năm 1998 ra đời, hệ trung học nghề không còn nữa, việc phân luồng vào GDNN được thay thế bởi sự phát triển mở rộng quy mô giáo dục THPT. Việc không có cơ chế đào tạo liên thông kèm theo sự thay đổi cơ quan đầu mối quản lý về dạy nghề và trong khi khả năng tiếp nhận của các trường CD, DH hạn chế nên phần lớn các địa phương dư thừa học sinh tốt nghiệp THPT. Bộ GD&ĐT cho phép các trường trung học chuyên nghiệp lúc bấy giờ tuyển cả học sinh tốt nghiệp THPT vào đào tạo. Để khuyến khích mạnh hơn học sinh vào học TCCN, Bộ cũng đã chỉ đạo các địa phương, các trường thực hiện xét tuyển trong tuyển sinh, tuyển sinh nhiều đợt trong một năm và cho phép các trường tuyển học sinh trượt tốt nghiệp THPT và bỏ học giữa chừng để vào học TCCN..., nhờ đó số học sinh vào học TCCN tăng lên. Hiện nay, chính sách khuyến khích đối với học sinh THCS học nghề khuyến khích các trường nghề tuyển hệ tốt nghiệp THCS còn thiếu, do đó khó thu hút học sinh vào học các trường nghề và TCCN.

Hệ thống GDPT là hệ thống con trong hệ thống giáo dục quốc dân và bản thân nó có ảnh hưởng nhiều đến công tác phân luồng. Tình trạng mất cân đối giữa ba bộ phận chính của hệ thống giáo dục quốc dân là GDPT, GDNN và GDDH đã cản trở không nhỏ đến công tác phân luồng.

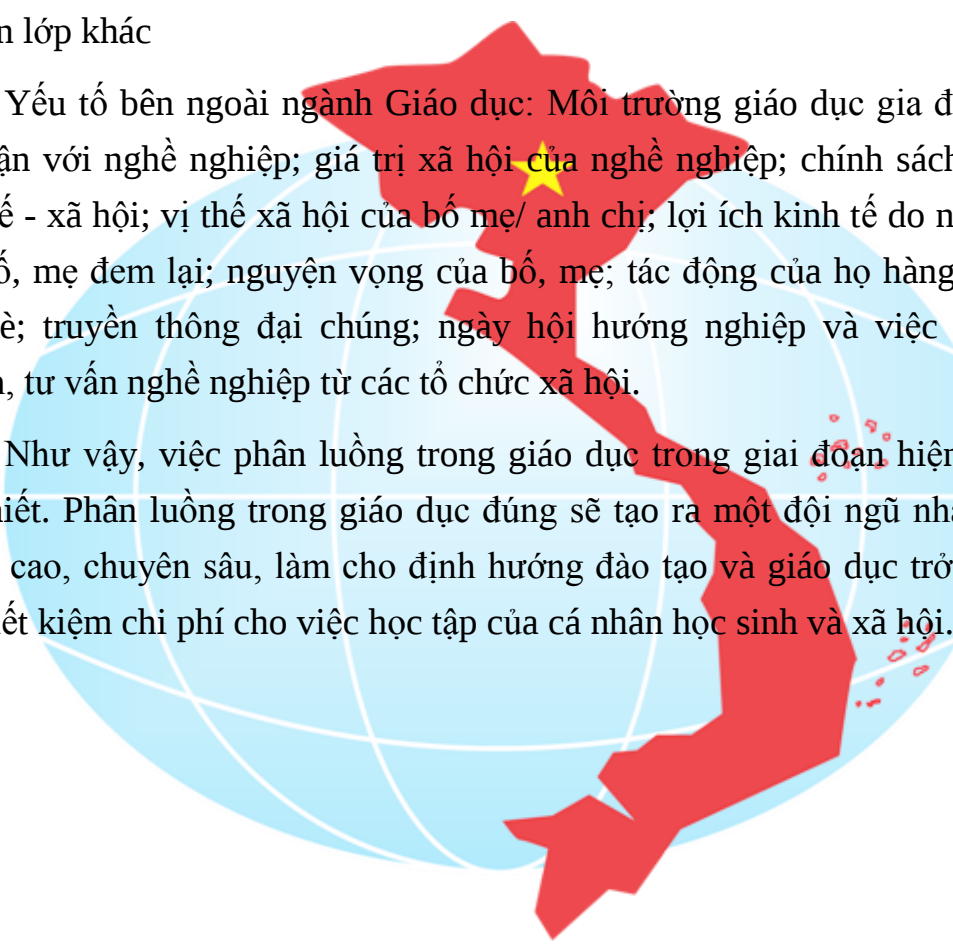
Học sinh tốt nghiệp THCS có thể đi theo 4 luồng là THPT, bổ túc THPT, học nghề, TCCN và không tiếp tục học nữa. Quy mô phát triển của các cấp học sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến dòng chảy của học sinh đi theo các luồng khác nhau. Ngoài ra, sự liên thông với giáo dục sau trung học cũng có ảnh hưởng lớn đến sự phân luồng học sinh sau THCS. Đối với phân luồng sau THPT, quy mô phát triển GDDH và cơ hội việc làm sẽ mang tính quyết định.

Có nhiều ý kiến cho rằng cơ cấu hệ thống GDTH và sau trung học chưa thực sự hợp lý là nguyên nhân ảnh hưởng đến phân luồng học sinh. Như vậy, cũng có thể phân nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến phân luồng học sinh như sau:

Yếu tố bên trong ngành Giáo dục: Môi trường giáo dục nhà trường, năng lực của cá nhân học sinh, định hướng giá trị nghề nghiệp của cá nhân, thầy cô giáo, các môn học, học nghề phổ thông, môn công nghệ, các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác

Yếu tố bên ngoài ngành Giáo dục: Môi trường giáo dục gia đình; cơ hội tiếp cận với nghề nghiệp; giá trị xã hội của nghề nghiệp; chính sách phát triển kinh tế - xã hội; vị thế xã hội của bố mẹ/ anh chị; lợi ích kinh tế do nghề nghiệp của bố, mẹ đem lại; nguyện vọng của bố, mẹ; tác động của họ hàng, dòng tộc; bạn bè; truyền thông đại chúng; ngày hội hướng nghiệp và việc làm; tuyên truyền, tư vấn nghề nghiệp từ các tổ chức xã hội.

Như vậy, việc phân luồng trong giáo dục trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết. Phân luồng trong giáo dục đúng sẽ tạo ra một đội ngũ nhân lực chất lượng cao, chuyên sâu, làm cho định hướng đào tạo và giáo dục trở nên chuẩn xác, tiết kiệm chi phí cho việc học tập của cá nhân học sinh và xã hội.



TTBD ĐBDC

